Số 1102/TB-SVHTT

Tổng hợp thời gian giải quyết TTHC phải cắt giảm dự kiến trong năm 2025

(Gửi kèm Thông báo số /SVHTT-VP ngày tháng năm 2025 của Sở Văn hoá và Thể thao)

TT	Danh mục TTHC cấp tỉnh	Tổng số	Mã số TTHC	Thời gian thực hiện TTHC theo QĐ của Bộ chủ quản (giờ)	Thời gian đã thực hiện cắt giảm TTHC trong quy trình nội bộ (giờ)	Tỷ lệ % thời gian đã cắt giảm	Dự kiến trong năm 2025 Thời gian cắt giảm TTHC trong quy trình nội bộ còn thiếu để đạt tỷ lệ 30% (giờ)
A	**LĨNH VỰC VĂN HÓA**						
A1	**LĨNH VỰ DI SẢN VĂN HÓA**						
1	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	X	2.001631.H42	120	6	5%	30
2	Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	X	2001613.H42	120	6	5%	30
3	Cấp giấy phép hoạt động Bảo tàng ngoài công lập	X	1.003793.H42	240	48	20%	24
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	X	1.003901.H42	80	4	5%	20
5	Cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	X	1001822.H42	40	0	0%	12

6	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	X	1.002003.H42	40	0	0%	12
7	Cấp Giấy phép khai quật khẩn cấp	X	2.001591.H42	24	0	0%	7,2
8	Công nhận Bảo vật quốc gia đối với Bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật.	X	1.003835.H42	800	10	1%	230
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	X	1.001123.H42	40	0	0%	12
10	Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	X	1.003838.H42	80	0	0%	24
11	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	X	1.003738.H42	800	12	2%	228
12	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	X	2.001641.H42	80	2	3%	22
13	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	X	1.001106.H42	120	4	3%	32
14	Cấp Chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	X	1.003738.H42	240	8	3%	64
15	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	X	1.013456.H42	16	0	0%	4,8
A2	**LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ**						

16	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng rôn	X	1.004650.H42	40	0	0%	12
17	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	X	1.001029.H42	80	0	0%	24
18	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	X	1.001008.H42	80	0	0%	24
19	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	X	1.000963.H42	56	0	0%	16,8
20	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	X	1.000922.H42	56	0	0%	16,8
21	Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	X	1.004645. H42	120	18	15%	18
22	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	X	1.004639.H42	80	4	5%	20
23	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	X	1.004666.H42	80	4	5%	20
24	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	X	1.004662.H42	80	2	3%	22
25	Đăng ký tổ chức lễ hội	X	1.003676.H42	160	0	0%	48
26	Thông báo tổ chức lễ hội	X	1.003654.H42	120	0	0%	36
A3	**LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN**						

27	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	X	1.009397.H42	40	0	0%	12
28	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	X	1.009398.H42	120	0	0%	36
29	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	X	1.009399.H42	120	0	0%	36
30	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	X	1.009403.H42	40	0	0%	12
A4	**HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HOÁ QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VĂN HOÁ**					#DIV/0!	0
31	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	X	1003784.H42	16	0	0%	4,8
32	Thủ tục kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu cấp tỉnh	X	1.003743.H42	80	0	0%	24
33	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	X	1.003560.H42	80	2	3%	22

A5	**MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM**						
34	Cấp Giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam	X	1.001704.H42	56	0	0%	16,8
35	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	X	1.001833.H42	56	0	0%	16,8
36	Cấp Giấy phép triển lãm mỹ thuật	X	1.001809.H42	56	0	0%	16,8
37	Cấp Giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	X	1.001778.H42	56	2	4%	14,8
38	Cấp Giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	X	1.001755.H42	56	0	0%	16,8
39	Cấp Giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc	X	1.001738.H42	56	0	0%	16,8
40	Cấp Giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm	X	1.001671.H42	56	0	0%	16,8
41	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	X	1.001229.H42	56	0	0%	16,8
42	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	X	1.001211.H42	56	0	0%	16,8
43	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	X	1.001191.H42	56	2	4%	14,8

44	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	X	1.001182.H42	56	2	4%	14,8
45	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	X	1.001147.H42	56	2	4%	14,8
46	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh.	X	2.001496.H42	56	0	0%	16,8
A6	**ĐIỆN ẢNH**						
47	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim		1.011451.H42	120	4	3%	32
A7	**THƯ VIỆN**						
48	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	X	1.008895.H42	120	2	2%	34
49	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	X	1.008896.H42	120	2	2%	34

50	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam		1.008897.H42	120	4	3%	32
A8	**QUẢN LÝ SỬ DỤNG VŨ KHÍ, SÚNG SĂN, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ**						
51	Cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	X	1.004723.H42	40	0	0%	12
A9	**THI ĐUA KHEN THƯỞNG**						
52	Xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân"	X	1.001376.H42	680	0	0%	204
53	Xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ ưu tú"	X	1.001108.H42	680	0	0%	204
54	Xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	X	1.001032. H42	720	0	0%	216
55	Xét tặng "Giải thưởng Hồ Chí Minh" về văn học, nghệ thuật	X	1.000871.H42	640	0	0%	192
56	Xét tặng "Giải thưởng Nhà nước" về văn học, nghệ thuật	X	1.000564.H42	640	0	0%	192
57	Xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	X	1.000971.H41	720	0	0%	216

A10	**LĨNH VỰC GIA ĐÌNH**						
58	Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	X	1.012080.H42	80	0	0%	24
59	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	X	1.012081.H42	24	0	0%	7,2
60	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình		1.012082.H42	80	0	0%	24
A11	**LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ**						
61	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận thành lập và hoạt động chi nhánh cơ sở văn hoá nước ngoài tại Việt Nam		1.006412.H42	120	0	0%	36
62	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận thành lập và hoạt động chi nhánh cơ sở văn hoá nước ngoài tại Việt Nam		1.001082.H42	56	0	0%	16,8
63	Thủ tục Gia hạn giấy chứng nhận thành lập và hoạt động chi nhánh cơ sở văn hoá nước ngoài tại Việt Nam	X	1.001091.H42	40	0	0%	12
B	**LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO**						
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	X	1.000953.H42	56	0	0%	16,8

2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	X	1.000883.H42	56	0	0%	16,8
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	X	1.000644.H42	56	0	0%	16,8
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	X	1.003441.H42	40	2	5%	10
5	Cấp giấy Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	X	1.005163.H42	56	0	0%	16,8
6	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	X	1.002022.H42	80	0	0%	24
7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	X	1.00485.H42	56	2	4%	14,8
8	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	X	1.000501.H42	56	2	4%	14,8
9	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá.		1.000518.H42	56	0	0%	16,8
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam		1.000544.H42	56	0	0%	16,8
11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh		1.000560.H42	56	2	4%	14,8

12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Vũ đạo thể thao giải trí		1.000594.H42	56	2	4%	14,8
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao		1.000814.H42	56	0	0%	16,8
14	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Diều bay	X	1.000830.H42	56	2	4%	14,8
15	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	X	1.000842.H42	56	2	4%	14,8
16	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	X	1.000847.H42	56	2	4%	14,8
17	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	X	1.000863.H42	56	0	0%	16,8
18	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Karate	X	1.000904.H42	56	0	0%	16,8
19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	X	1.000920.H42	56	0	0%	16,8
20	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	X	1.000936.H42	56	8	14%	8,8
21	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	X	1.000983.H42	40	0	0%	12

22	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	X	1.001056.H42	56	2	4%	14,8
23	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	X	1.001195.H42	56	0	0%	16,8
24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với đối với môn Mô tô nước trên biển	X	1.001213.H42	56	4	7%	12,8
25	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	X	1.001500.H42	56	2	4%	14,8
26	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	X	1.001517.H42	56	2	4%	14,8
27	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	X	1.001527.H42	56	0	0%	16,8
28	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	X	1.001801.H42	56	2	4%	14,8
29	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	X	1.002396.H42	56	0	0%	16,8
30	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	X	1.002445.H42	56	0	0%	16,8
31	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	X	1.005162.H42	56	2	4%	14,8
32	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	X	1.005357.H42	56	2	4%	14,8

33	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	X	2.002188.H42	56	4	7%	12,8
34	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	X	1.002013.H42	80	0	0%	24
35	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	X	1.001782.H42	80	0	0%	24
C	**LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**						
1	Thủ tục cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	X	2.001765.H42	120	12	10%	24
2	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	X	1.003384.H42	80	12	15%	12
3	Thủ tục cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	X	2.001098.H42	80	12	15%	12
4	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	X	1.005452.H42	40	12	30%	0
5	Thủ tục gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	X	2.001091.H42	40	12	30%	0
6	Thủ tục cấp lại Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	X	2.001087.H42	40	12	30%	0
7	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng		1.002001.H42	120	0	0%	36

8	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng		1.001976.H42	40	0	0%	12
9	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng		2.002738.H42	40	0	0%	12
10	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng		1.001988.H42	40	0	0%	12
11	Thủ tục cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng 1.004508.H42		1.004508.H42	80	0	0%	24
12	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng 2.002739.H42		2.002739.H42	40	0	0%	12
13	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng		2.002740.H42	40	0	0%	12
D	**LĨNH VỰC BÁO CHÍ**						
1	Thủ tục cấp Giấy phép xuất bản bản tin (địa phương) 1.009374.H42	X	1.009374.H42	160	12	8%	36
2	Thủ tục văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương) 1.009386.H42	X	1.009386.H42	120	12	10%	24
3	Thủ tục cho phép họp báo (trong nước) 2.001171.H42	X	2.001171.H42	Không quy định thời gian	Không quy định thời gian		

4	Thủ tục cho phép họp báo (nước ngoài) 2.001173.H42	X	2.001173.H42	16	0	0%	4,8
Đ	**LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ**						
1	Thủ tục cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	X	1.003868.H42	120	20	17%	16
2	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	X	2.001594.H42	120	12	10%	24
3	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	X	2.001584.H42	40	0	0%	12
4	Thủ tục cấp đổi Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	X	1.003729.H42	40	0	0%	12
5	Thủ tục cấp Giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	X	2.001564.H42	80	12	15%	12
6	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động in	X	1.004153.H42	120	16	13%	20
7	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động in	X	2.001744.H42	56	12	21%	4,8
8	Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in	X	2.001740.H42	24	0	0%	7,2

9	Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in	X	2.001737.H42	24	0	0%	7,2
10	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (có phí)	X	1.003725.H42	120	12	10%	24
11	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	X	1.003483.H42	80	12	15%	12
12	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	X	1.003114.H42	40	0	0%	12
13	Thủ tục Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	X	1.008201.H42	40	0	0%	12
E	**LĨNH VỰC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI**						
1	Thủ tục trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	X	1.003888.H42	80	12	15%	12
	TỔNG CỘNG	**129**		**14096**	**398**		**3830,8**